

Bản án số: 33/2026/HC-PT
Ngày 15 tháng 01 năm 2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 218/2025/TLPT-HC ngày 24/10/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3872/2025/QĐPT-HC ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Phùng Tấn V**, sinh năm 1961. Địa chỉ: số G, đường P, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (Nay là số G, đường P, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: số A, đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là số A, đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/2024) (có mặt).

- Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V:** Kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường L, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ: Số H đường V, phường L, tỉnh Vĩnh Long, (vắng mặt).

2. **Chủ tịch UBND tỉnh V;** Địa chỉ: Số H, đường V, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hồ Kim H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số A, T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số A, T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phùng Tấn V là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2024, đơn khởi kiện ngày 10/9/2024 của ông Phùng Tấn V và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày:*

Từ năm 1973, gia đình ông V đã trực tiếp quản lý và sử dụng (làm nhà sinh sống, trồng cây, dựng kiot cho thuê...) tại phần đất thuộc các thửa 278, 48, 281, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường I có tổng diện tích là 16.500m².

Vào năm 1984, khi nhà nước thực hiện đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, ông nội của ông V là cụ Phùng Văn K kê khai quản lý sử dụng đối với phần đất có diện tích 16.500m² nêu trên. Cụ K được đứng tên trong sổ mục kê đất (theo Văn bản số 1072/TTCNTTTNMT ngày 20/8/2018 về việc cung cấp thông tin địa chính của Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường tỉnh V).

Ngày 12/02/1986, UBND phường I có xác nhận phần đất nêu trên là của cụ Phùng Văn K, cụ thể vào ngày này cụ Phạm Thị C có Đơn xin cất nhà gửi đến UBND phường 9, phía sau đơn UBND phường I đã xác nhận “*đây là đất của ông Phùng Văn K quản lý và sử dụng (cha anh Đèo), hiện nay anh Đ1 chưa có nhà ở, nay xin cất nhà trên phần đất nêu trên và Ủy ban nhất trí cho anh Đ1 được cất nhà và phải bảo đảm cách lộ giới*”.

Sau khi cụ K chết, cả gia đình ông V và những người con khác của cụ K vẫn cùng nhau quản lý, sử dụng phần đất mà cụ K để lại.

Năm 1987, chú ruột ông V là cụ Phùng Văn S1 kê khai đối với phần đất mà cụ K để lại và cụ S1 đã được UBND tỉnh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất (sau đây gọi tắt là *Giấy chứng nhận*) ngày 06/11/1987.

Ngày 13/12/1991, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND, về việc hủy Giấy chứng nhận cấp cho cụ Phùng Văn S1 với lý do cụ S1 không trực

canh tại phần đất này. Nhưng khi ông V yêu cầu cung cấp thông tin về Quyết định này thì ngày 09/7/2024 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V có văn bản số 3753/VPĐKĐĐ-TTLT về việc trả lời phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai của ông Vũ Văn Đ có nội dung “*Văn phòng đăng ký đất đai không lưu trữ Quyết định số 568/QĐ-UBT ngày 13/12/1991 của UBND tỉnh C, nên không có tài liệu cung cấp theo yêu cầu*”.

Trong suốt quá trình sử dụng đất, ông V đã làm đơn xin xác nhận về việc trực tiếp quản lý sử dụng các thửa đất nêu trên, cụ thể:

Ngày 25/02/2013, ông V có làm đơn xin xác nhận là người quản lý sử dụng và trực tiếp canh tác tại phần đất có diện tích 16.500m² từ năm 1990, đơn này được Phó Chủ tịch UBND phường I là ông Lê Thanh N1 xác nhận.

Ngày 31/8/2017, ông V có làm đơn gửi UBND tỉnh V xin cấp Giấy chứng nhận cho toàn bộ diện tích 16.500m² mà ông đang trực tiếp, canh tác quản lý và sử dụng.

Ngày 11/9/2017, ông V nhận được văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh V về việc hướng dẫn đến UBND thành phố V, Chủ tịch UBND tỉnh V xem xét cấp Giấy chứng nhận cho ông V.

Trong thời gian chờ UBND thành phố V xem xét cấp Giấy chứng nhận cho ông V, thì vào ngày 07/6/2017, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND về việc thu hồi 15.492,8m², tờ bản đồ số 11 theo tờ bản đồ số 60/CP, tại thửa 81, 82, 83 tách thửa 80 theo bản đồ 60/CP, đất tọa lạc tại phường 9, do UBND phường I, thành phố V quản lý.

Cùng ngày 07/6/2017, UBND tỉnh V tiếp tục ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND về việc giao 15.499,8m² tại thửa 306 tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường I giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố V quản lý. Tuy nhiên theo trích lục tờ bản đồ giải thửa 1/500 thì thửa đất của ông Phùng Tấn V thuộc các thửa 278, 48, 281 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm B, phường I, thành phố V.

Ngoài ra, tại Quyết định bồi thường, gia đình ông V không được bồi thường về phần diện tích đất do gia đình đã quản lý sử dụng, ổn định lâu dài như đã nêu trên mà chỉ bồi thường vật kiến trúc và cây trồng trên đất là không thỏa đáng.

Ông V đã khởi kiện đối với Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 nêu trên. Vụ án này đang được ông V đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét giải quyết theo thủ tục tái thẩm.

Vào ngày 24/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng và di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V trên phần đất đã bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng các hạng mục công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V.

Sau khi nhận được Quyết định số 786/QĐ-UBND, ông V không đồng ý và đã có đơn khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 786/QĐ-UBND nêu trên, bởi quyết định này chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V và gia đình. Ngày 22/5/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2391/QĐ-UBND không chấp nhận việc khiếu nại của ông V nên ông V tiếp tục có đơn khiếu nại.

Ngày 20/9/2023, Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2143/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai), không chấp nhận khiếu nại của ông V về việc yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 và công nhận nội dung Quyết định số 2391/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V.

Do đó ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định cưỡng chế số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V là ông Phạm Văn P và ông Lê Hồng T trình bày:*

Tại Công văn số 6150/UBND-NC ngày 29/11/2024 của UBND thành phố V đã nêu đầy đủ về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng, di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V. Quyết định này được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Ông V không đồng ý nên đã khiếu nại, sau khi nhận đơn khiếu nại của ông V, UBND thành phố V đã giao Thanh tra thẩm tra, xác minh đối với khiếu nại của ông V, qua xác minh, báo cáo của cơ quan thanh tra, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 là đúng quy định của pháp luật.

Do đó Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Tại Công văn số 7696/UBND-TCĐNC ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh V có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Tấn V như sau:*

Xét thấy việc ông Phùng Tấn V yêu cầu hủy Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận, bởi vì:

- Ngày 07/6/2017, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND về việc thu hồi 15.492,8m² đất tại phường I, thành phố V do UBND phường I quản lý, giao cho Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố V (*sau đây gọi tắt là Ban Q*) quản lý để thực hiện Dự án xây dựng các hạng mục công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên hộ ông Phùng Tấn V không chấp hành, không thực hiện bàn giao đất theo quyết định thu hồi của UBND tỉnh; vụ việc đã được UBND phường I phối hợp cùng Ủy ban M phường 9, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V và Ban Quản lý Dự án tổ chức vận động đối với hộ ông Phùng Tấn V.

Trên cơ sở báo cáo của UBND phường I về kết quả vận động, đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V, tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V; ngày 24/02/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng và di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V trên phần đất đã bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng các hạng mục công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V; hạng mục cổng, hàng rào Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013 về cưỡng chế thu hồi đất và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 “*về hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất do Phòng T lập*”.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Vũ Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông V, cho rằng Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V không đúng về nội dung, trong đó có nêu căn cứ Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 là không đúng.

Ông Phạm Văn P và ông Lê Hồng T là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày: Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh V về việc giao đất đã được giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 590/2022/HC-PT ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và bản án đang có hiệu lực pháp luật. Sau khi Tòa án hai cấp xét xử xong, UBND thành phố V vận động gia đình ông V di dời tài sản giao đất, nhưng ông V không chấp hành nên UBND thành phố V ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng và di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V trên phần đất đã bị thu hồi là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013. Trình tự thủ tục thực hiện việc cưỡng chế đúng quy định pháp luật. Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông V, UBND thành phố V có giao thanh tra thẩm tra, xác minh, làm rõ và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2391 ngày 22/5/2023 là đúng quy định; đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

Người làm chứng trình bày:

Bà Hồ Kim H: Bà là chị vợ của ông Phùng Tấn V, bà thấy vợ chồng ông V sinh sống trên đất khoảng 40 năm nay, còn việc ai kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thì bà không biết.

Ông Nguyễn Hoàng S: Ông biết ông Phùng Tấn V ở trên đất, cha của ông trước đây chết có chôn trên phần đất ông V quản lý (đã di dời mộ). Còn việc ai kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thì ông không biết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 3 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019. Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Tấn V về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2025, người khởi kiện là ông Phùng Tấn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phùng Tấn V và người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm đã xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Tấn V là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Phùng Tấn V làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người bị kiện không có kháng cáo đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng:* Theo Báo cáo số 364/BC-UBND ngày 03/10/2023 gửi Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban T và Văn phòng Chính phủ thì phần đất thu hồi, giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố V quản lý, có nguồn gốc trước 30/4/1975 là đất của làng T sử dụng vào mục đích nghĩa địa (nghĩa địa T). Năm 1973, cụ Phùng Văn K (là ông nội ông Phùng Tấn V) làm Thủ từ (là người trông coi nghĩa địa) sử dụng phần đất trũng (thuộc đất nghĩa địa), diện tích hơn 01 công cấp Quốc lộ A (nay là đường P) để trồng lúa.

Sau 30/4/1975, U tiếp quản cơ sở của chế độ cũ phần đất nghĩa địa vẫn để cụ Phùng Văn K làm Thủ từ. Khi thực hiện đo đạc theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là tư liệu 229/TTg), cụ Phùng Văn K kê khai phần đất nghĩa địa gồm 02 thửa: thửa 278 diện tích 1.470m², loại đất 2L và thửa 281 diện tích 15.000m², loại đất nghĩa địa (cụ K chỉ có tên trong sổ mục kê theo Chỉ thị 299/TTg).

Năm 1986 cụ K chết, ông Phùng Văn S1 (là con của cụ K) kê khai phần đất nghĩa địa này. Đến ngày 06/11/1987, ông S1 được UBND tỉnh C cấp GCNQSDĐ gồm: thửa 278 diện tích 1.470m², loại đất 2L (đây là phần đất trũng cấp Quốc lộ A do ông Phùng Văn T1 là con cụ K sử dụng trồng rau muống) và thửa 281 diện tích 15.000m², loại đất nghĩa địa (GCNQSDĐ cấp ngày 06/11/1987 cho ông Phùng Văn S1 (là chú của ông Phùng Tấn V) theo Quyết định số 108/QĐ-UBT ngày 12/6/1987 của UBND tỉnh C. Tuy nhiên, năm 1991, tất cả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho tổ chức, công dân sử dụng đất trong tỉnh Cửu Long không còn giá trị sử dụng và không hợp pháp do đã bị hủy theo Quyết định số 568/QĐ-UBT ngày 13/12/1991 của UBND tỉnh C.

Ngày 10/11/1990, Hội C1 có Bản đề nghị xin sử dụng một phần diện tích khoảng 600m² hiện do ông Phùng Văn T1 (con ông K) đang trồng rau muống để làm cơ sở mua bán vật liệu xây dựng và được UBND phường I đồng ý (có xác nhận 126/gp/90 ngày 12/11/1990). UBND phường I có bồi thường tiền rau muống cho ông T1 là 150.000 đồng.

Sau đó, UBND phường I giao một phần đất (không rõ diện tích) cho Công ty

cấp 4 Phường 9 để xây dựng trụ sở làm việc, đến cuối năm 1991 Công ty cấp 4 Phường I giải thể, trụ sở Công ty và đất chuyển nhượng lại cho bà Thiên N2, sau đó bà N2 bán lại cho bà Nguyễn Thị V1, rồi bà V1 chuyển nhượng một phần lại cho ông Nguyễn Văn P1 cất nhà ở cho đến nay, phần còn lại UBND phường I quản lý.

Theo tư liệu thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBT ngày 13/02/1990 của UBND tỉnh (gọi tắt là tư liệu Chương trình Đất), U kê khai đăng ký gồm các thửa 740 diện tích 14.924,0m² loại đất NĐ; thửa 739 diện tích 735,0m² loại đất Ao; thửa 738 diện tích 592,0m² loại đất CDK.

Theo tư liệu địa chính thực hiện Nghị định số 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ, U kê khai đăng ký gồm các thửa 80 diện tích 13.682,8m² loại đất NTD (đất nghĩa trang, nghĩa địa); thửa 81 diện tích 476,6m² loại đất MNC (đất có mặt nước chuyên dùng); thửa 82 diện tích 229,1m² loại đất LNQ (đất trồng cây lâu năm); thửa 83 diện tích 127,0m² loại đất ODT (đất ở đô thị).

Năm 2002, ông V vào chiếm dụng một phần đất thuộc thửa 278 (theo tư liệu 299). U, thành phố V đã lập các Biên bản làm việc vào các ngày 06/8/2014, 07/8/2014 về hiện trạng xây dựng nhà và yêu cầu tạm ngưng việc xây dựng, tháo dỡ di dời, nhưng gia đình ông V vẫn tiếp tục xây dựng thêm.

Ngày 28/11/2014 và ngày 30/12/2014, U lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu gia đình ông V tự tháo dỡ công trình xây dựng (Biên bản ngày 28/11/2014, ông V có trình bày nhưng không ký tên, vợ ông V là bà Hà Thị N3 có ký tên; Biên bản ngày 30/12/2014 ông V ký tên nhưng ghi đang khiếu nại Trung ương).

Ngày 14/01/2015, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 93/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính: *Xây dựng trên phần đất không được xây dựng*. Quyết định được tổng đạt đến ông V vào ngày 23/01/2015 nhưng ông không nhận. U thực hiện niêm yết Quyết định vào ngày 23/01/2015.

Ngày 03/3/2016 và ngày 10/3/2016, U lập Biên bản về việc kiểm tra xây dựng và vận động gia đình ông V tháo dỡ công trình, nhưng ông V không ký tên.

Ngày 10/02/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 93/QĐ-KPHQ ngày 14/01/2015 của UBND thành phố V do áp dụng điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ là chưa phù hợp.

Theo kết quả kiểm đếm bắt buộc ngày 30/11/2017, hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông V thể hiện: gồm 9 căn nhà, có 1 căn vách tường, 8 căn còn lại vách tôn; về cây trồng: có 18 cây dừa (loại 3 năm 15 cây, loại 15 năm 02 cây, loại 5 năm 01 cây); xoài 1 cây; chuối trong công trình 676 cây; cây đa 02 cây (01 cây phi 40, 1 cây phi 400). UBND thành phố V phê duyệt hỗ trợ cho gia đình ông V số tiền là 94.745.132 đồng và bố trí 01 nền tái định cư khoảng 100m² cho gia đình ông V

tại Cụm dân cư và nhà ở vùng ngập lũ giai đoạn 2 xã T, thành phố V (đến nay gia đình ông V chưa nhận tiền hỗ trợ và nền tái định cư).

Theo tư liệu đo đạc thực hiện dự án V, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố V kê khai đăng.ký thửa 306, diện tích 15,499,8m² loại đất DVH (xây dựng cơ sở văn hóa).

Ngày 24/02/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng, di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V trên phần đất đã bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng các hạng mục công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V. Ngày 24/3/2023, UBND thành phố V tiến hành thực hiện cưỡng chế xong.

[2.2] *Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định hành chính bị kiện số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V:* Năm 1987, cụ Phùng Văn S1 (chú của ông V) đứng tên Giấy chứng nhận có diện tích 16.770m², tọa lạc tại phường I, thị xã V (nay là thành phố V). Năm 1991, UBND tỉnh C ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S1. Ngày 07/6/2017, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND thu hồi 15.492,8m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại phường 9, do UBND phường I, thành phố V quản lý và ban hành Quyết định số 1229/QĐ-UBND về việc giao 15.499,8m² nêu trên cho Ban Quản lý Dự án thành phố V quản lý để thực hiện dự án xây dựng các hạng mục công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố V.

Trên phần đất thu hồi của UBND phường I có tài sản của ông Phùng Tấn V. Ngày 30/10/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4374/QĐ-KĐBĐ về việc kiểm đếm bắt buộc đối với ông Phùng Tấn V. Hộ ông V vẫn không hợp tác nên ngày 15/11/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4586/QĐ-CCKDBĐ về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ ông Phùng Tấn V.

Ngày 30/11/2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V kết hợp cùng các ban ngành tiến hành kiểm đếm bắt buộc đối với ông V. Không đồng ý nội dung Quyết định số 1228/QĐ-UBND và Quyết định số 1229/QĐ-UBND cùng ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh V, ông V khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Bản án số 12/2018/HCST bác yêu cầu của ông Phùng Tấn V về việc đòi hủy Quyết định 1229/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh V về việc giao 15.492,8m² đất tại phường I, thành phố V do UBND phường I quản lý. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông V về việc công nhận diện tích đất 15.492,8m² tại phường I, thành phố V. Ông V không đồng ý và kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 590/2022/HC-PT, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bản án phúc thẩm đang có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, UBND phường I phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và M thông báo đến hộ ông Phùng Tấn V tự di dời, tháo dỡ toàn bộ tài sản, vật kiến trúc và đốn bỏ cây trồng trên đất để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư, nhưng ông V cũng không đồng ý di dời.

Ngày 24/02/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 786/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng và di dời tài sản của hộ ông Phùng Tấn V trên phần đất đã thu hồi của UBND phường I. Quyết định cưỡng chế được giao cho ông V, nhưng ông V không nhận và ngày 28/02/2023, quyết định cưỡng chế được niêm yết theo quy định. Ngày 15/12/2022, B thực hiện cưỡng chế tiếp tục vận động nhưng ông V vẫn không đồng ý di dời, vật kiến trúc ra khỏi đất. Ngày 07/3/2023, UBND thành phố V ban hành quyết định số 971/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, đốn bỏ cây trồng, di dời tài sản của ông Phùng Tấn V. Ngày 15/3/2023, Ban cưỡng chế tiếp tục vận động ông V, nhưng ông V không đồng ý. Ngày 15/3/2023 Ban thực hiện cưỡng chế ban hành phương án số 42/PA-BTHCC thực hiện kế hoạch cưỡng chế đối với ông V. Ngày 20/3/2023 Ban thực hiện cưỡng chế giao thông báo sẽ thực hiện cưỡng chế vào lúc 07 giờ ngày 24/3/2023, ông V vẫn không đồng ý nên đã tiến hành cưỡng chế theo quy định và đã thực hiện cưỡng chế xong.

Như vậy về trình tự, thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế và thực hiện việc cưỡng chế đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND thành phố V là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] *Xét yêu cầu của ông V về việc hủy các quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V:*

Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 là đúng thẩm quyền tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông V là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quá trình giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền đã tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành quyết định, nêu rõ lý do không chấp nhận khiếu nại là phù hợp với quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Các quyết định hành chính bị khởi kiện đảm bảo tính hợp pháp và có căn cứ về thẩm quyền, trình tự thủ tục, nội dung chấp hành và điều hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định số 2143 và 2391 của ông Phùng Tấn V là đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do ông V là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm hành chính.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 3 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019. Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Tấn V; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Tấn V về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V;

- Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm hành chính cho ông Phùng Tấn V.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện CT&KSXXPT tại TPHCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long ;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (3);
- Lưu VT (5), HS (2) 15B (BA- 09).

Bùi Đức Xuân